|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ HẠ LONG**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**Số: 333/PHCL-TH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do- Hạnh phúc***Hạ Long, ngày 08 tháng 12 năm 2020* |

**PHƯƠNG HƯỚNG**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN** **TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT GIAI ĐOẠN 2020-2025**

**I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

*- Luật Giáo dục số 43/2019/ QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;*

*- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 BCH Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”;*

*- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*- Nghị định 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS;*

*- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;*

 *- Văn bản số 03/2017/VBHN- BGDĐT, ngày 23/6/2017 quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;*

*- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;*

*- Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử GV làm tổng phụ trách đội thiếu niên tiền phong HCM trong các cơ sở GDPT công lập;*

*- Thông tư 29/2017/TT-BGDĐT Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;*

*- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;*

*- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường TH;*

*- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;*

*- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành CTGDPT tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục;*

*- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*- Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục về ban hành Điều lệ trường Tiểu học;*

*- Nghị quyết Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đảng bộ Thành Phố Hạ Long lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 08/5/2020, nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Giếng Đáy lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025;*

*Căn cứ tình hình phát triển kinh tế xã hội và thực tiễn giáo dục đào tạo của địa bàn phường Giếng Đáy- thành phố Hạ Long.*

**II.TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG**

**1.Khái quát chung**

 Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt thuộc tổ 5 - Khu 3A - Phường Giếng Đáy- Thành phố Hạ Long, nằm ở phía Tây thành phố, gần bến xe Bãi Cháy và bệnh viện Bãi Cháy. Trước năm 1984, nhà trường thuộc trường cấp 1,2 Giếng Đáy. Từ năm 1985 đến tháng 8 năm 1991, trường cấp 1,2 Giếng Đáy tách riêng thành hai trường Phổ thông Cơ sở Giếng Đáy và trường Phổ thông Cơ sở Lý Tự Trọng. Đến tháng 9 năm 1991, trường Tiểu học Lý Thường Kiệt được thành lập từ trường Phổ thông cơ sở Giếng Đáy. Nhà trường có một Điểm trường tại: Tổ 2-Khu 1- Phường Giếng Đáy. Trong những năm qua, được các cấp ủy Đảng, chính quyền, ngành Giáo dục và nhân dân địa phương quan tâm, giúp đỡ, nhà trường được xây dựng khang trang với đầy đủ hệ thống các phòng hành chính quản trị. Khuôn viên trường học đảm bảo an toàn. Trường được quy hoạch gọn gàng và bài trí hợp lý, bốn xung quanh trường đều có tường rào bảo vệ đảm bảo an toàn.

 Nhà trường nghiêm túc thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp, duy trì sĩ số học sinh gắn liền với đổi mới chương trình giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục. Từ năm 2015 đến năm 2020, số lớp, số học sinh tăng (từ 51 lớp đến 65 lớp với 2194 đến 2628 học sinh). Chất lượng giáo dục hàng năm có sự chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ học sinh được khen thưởng xuất sắc đạt 31,4%; học sinh được khen thưởng từng mặt đạt 54,4%, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 98,9%, tỷ lệ học sinh HTCTTH đạt 100%. Nhiều học sinh đạt giải cao trong cuộc thi Khoa học Kỹ thuật, Sáng tạo thanh thiếu niên- Nhi đồng, Vẽ tranh, Hùng biện, Violympic Tiếng Anh các cấp. Nhà trường vinh dự được 3 năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm học 2015-2016, 2017-2018, 2018-2019 và 2 lần được chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh tặng bằng khen năm học 2016 - 2017; 2019 -2020. 5 năm liền, chi bộ được công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh**.** Đặc biệt năm 2017, chi bộ được đánh giá chi bộ vững mạnh xuất sắc.

**2.Thực trạng**

**2.1. Đội ngũ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Năm học | Tổng sốĐảng viên | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Trình độ |
| Tổng số | Cán bộ quản lý | Giáo viên | Nhân viên | Đại học | Cao đẳng |
| 1 | 2015-2016 | 23 | 71 | 4 | 67 | 4 | 38 | 33 |
| 2 | 2016-2017 | 23 | 81 | 4 | 76 | 4 | 47 | 34 |
| 3 | 2017-2018 | 24 | 86 | 4 | 79 | 3 | 53 | 32 |
| 4 | 2018-2019 | 31 | 89 | 4 | 84 | 3 | 51 | 38 |
| 5 | 2019-2020 | 33 | 100 | 3 | 95 | 2 | 64 | 36 |

**2.2. Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học**

***a) CSVC nhà trường***

Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt hiện nay có tổng diện tích là 10.831,6 m2. Khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp, thoáng mát với rất nhiều cây bóng mát. Khối phòng học, phòng chức năng được thiết kế đảm bảo vững chắc, an toàn, kiên cố. Nhà trường có 75 phòng học, 11 phòng bộ môn, 10 phòng phục vụ học tập, 29 phòng hành chính quản trị, đảm bảo đủ các phòng học cho các lớp. Đặc biệt nhà trường được đầu tư trang bị 62 phòng học thông minh, 100% các phòng học được trang bị máy điều hòa, thiết kế đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng... thuận lợi cho các hoạt động dạy học, đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên và học sinh trong các hoạt động dạy học.

 ***b) Phương tiện, trang thiết bị dạy và học***

 Nhà trường có đầy đủ các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu ở tất cả các khối theo quy định để phục vụ giảng dạy và học tập, ngoài ra các phòng học còn được trang bị thêm 01 máy tính; 03 phòng tin học được trang bị 60 máy tính được kết nối Internet, các phòng học bộ môn được trang sắm đầy đủ các thiết bị dạy học cho từng môn học cụ thể. Nhà trường có 71 bộ bàn ghế giáo viên, 1321 bộ bàn ghế học sinh. Bàn ghế của học sinh đảm bảo theo các nhóm chiều cao đã quy định tại Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, được bố trí phù hợp với đối tượng học sinh. Tuy nhiên, hiện nhà trường còn một số bàn đôi liền ghế chưa đúng với yêu cầu là bàn đơn như Thông tư 26 quy định. Trong đó có: 771 bộ bàn ghế liền và 550 bộ bàn ghế rời. Hàng tháng, nhà trường sửa chữa bàn ghế kịp thời những bàn ghế cũ, hỏng để đảm bảo chỗ ngồi cho học sinh. Nhà trường đã trang bị đầy đủ các loại máy vi tính, máy in. Tổng số máy vi tính nhà trường đã trang bị là 83 bộ máy tính để bàn phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, học tập (Trong đó có 73 bộ máy tính phục vụ giảng dạy môn tin học, 10 bộ phục vụ công tác quản lý), 02 chiếc tivi phục vụ công tác giảng dạy, 06 màn hình tivi phục vụ công tác quản lý, 04 bộ loa, 04 ampli, 01 đàn Piano kỹ thuật số, 03 đàn Casio-TK 1300, 6 đài cát xét. Trong năm học 2019 - 2020 nhà trường cũng nhận sự quan tâm của tỉnh và thành phố và được trang bị đầy đủ về các thiết bị phòng học tương tác với 62 phòng (gồm có 62 bảng thông minh, 62 màn hình tương tác, 62 bộ phụ kiện đi kèm dùng trong phòng học) và 65 máy vi tính laptop phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên, nhà trường cũng được trang bị hệ thống internet có dây và không dây với tốc độ cao và đường truyền ổn định. Cũng trong năm học 2019-2020 nhà trường đã được trang bị đầy đủ điều hòa nhiệt độ cho tất cả các phòng học trên toàn trường gồm 204 chiếc (tương đương mỗi phòng học 02 chiếc). Đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của học sinh và giáo viên trong những ngày hè nóng bức.

**2.3. Học sinh**

**2.3.1. Quy mô học sinh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Khối lớp 1 | 12 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Khối lớp 2 | 12 | 13 | 12 | 13 | 14 |
| Khối lớp 3 | 11 | 12 | 13 | 11 | 13 |
| Khối lớp 4 | 9 | 11 | 12 | 13 | 11 |
| Khối lớp 5 | 7 | 9 | 11 | 12 | 13 |
| **Cộng** | **51** | **57** | **61** | **63** | **65** |

**2.3.2. Kết quả giáo dục và đào tạo 5 năm qua**

| **Chất lượng giáo dục** | **Năm học****2015 – 2016** | **Năm học****2016 – 2017** | **Năm học** **2017 – 2018** | **Năm học** **2018 - 2019** | **Năm học** **2019-2020** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Chất lượng đại trà** |
| ***1.1. Lên lớp*** | 2172 HS (99%) | 2358 HS (99,2%) | 2482 HS (99,8%) | 2626 HS (99,5%) | 2618 HS (99,6%) |
| ***1.2. Kiểm tra lại*** | 22 HS (1%) | 18 HS (0,8%) | 6 HS (0,2%) | 13 HS (0,5%.) | 11 HS (0,4%) |
| ***1.3. Khen thưởng*** | 2013 HS ( 91,7%) | 2069 HS ( 87,1%) | 2258HS(90,7%) | 2173HS ( 82,7%) | 2256 HS (85,8%) |
| Xuất sắc (Cả 3 mặt) | 1303 HS (59,4%) | 876 HS (36,9%) | 1045 HS (42%) | 656 HS (24,9%) | 826 HS (31,4%) |
| Từng mặt | 710 HS (32,4%) | 1193 HS (50,2%) | 1213 HS (48,8%) | 1654 HS (62,7%) | 1430 HS (54,4%) |
| **2. Chất lượng mũi nhọn** |
| ***2.1. Cấp Thành phố*** | **Năm học****2015 – 2016** | **Năm học****2016 – 2017** | **Năm học** **2017 – 2018** | **Năm học** **2018 - 2019** | **Năm học** **2019-2020** |
| Thi Tiếng Anh qua mạng | 2 giải Nhì; 01 giải KK | 03 Giải Ba; 04 giải Khuyến khích;  | 8 giải |  |  |
| Thi chữ đẹp  | 03 Giải Nhất;02 giải Nhì; GV giải BaTham gia trình bày mô hình chữ đẹp cấp thành phố đạt giải Nhất | 01 Giải Nhất; 02 Giải Nhì; 04 Giải Ba; 01 Giải KK |  |  |  |
| Giải điền kinh | 3giải Nhất; 2 giải Nhì; 3 giải Ba; | 1 giải Nhất; 1 giải Nhì; 2 giải Ba và giải Nhì toàn đoàn | Giải Nhì toàn đoàn; Giải ba đội nữ; 01 HC vàng, 02 HC đồng. | 01 giải Nhì | Nhận cờ Đoàn Khá; 04 huy chương Vàng; 03 huy chương Bạc; 06 huy chương Đồng |
| Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng |  | 2 giải Nhì ; 2 giải Ba và 1 giải KK |  | 01 giải Ba |  |
| Họa Mi Vàng |  | 1 giải A và 2 giải B |  | Giải Ba toàn đoàn |  |
| Hùng biện cuốn sách em yêu |  |  |  |  | Giải B |
| ***2.2. Cấp Tỉnh*** |  |  |  |  |  |
| Tiếng Anh qua mạng + Hùng biện Tiếng Anh | 01 giải Nhì | 01 giải Nhì; 01 giải Ba; 04 giải KK |  | 01 giải Khuyến khích |  |
| Giải Điền kinh | 3 giải Nhất; 01 giải Nhì | 1 Giải Ba |  |  | - 01 huy chương Đồng |
| Vẽ tranh ATGT |  |  |  | 01 giải Nhì |  |
| Hùng biện Cuốn sách em yêu |  |  |  | 01 giải A | 01 Giải A |
| Thi chữ đẹp | 1 giải Nhất; 3 giải Ba. |  |  |  |  |
| Đại sứ văn hóa đọc |  |  |  |  | 01 giải KK |
| Chúng em kể chuyện Bác Hồ |  |  |  |  | 02 giải Ba |
| ***2.3. Cấp Quốc gia*** |  |  |  |  |  |
| Tiếng Anh qua mạng | 1 huy chương Bạc | 1 huy chương Đồng; 01 KK | 1 huy chương Đồng |  |  |

**2.4. Danh hiệu thi đua 5 năm 2015-2020**

**2.4.1. Cá nhân**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | Tổng số CB, GV, NV | **Danh hiệu thi đua** |
| GV dạy giỏi,chủ nhiệm giỏi | LĐ TT | Chiến sĩ thi đua cơ sở | Giấy khen TP, sở GD | Bằng khen của tỉnh | Đánh giá viên chức |
| Cấp trường | Cấp TP | HT XS | HTT |
| 2015-2016 | 71 | 15 | 13 | 71 | 6 | **1** |  | **24** | **37** |
| 2016-2017 | 81 | 42 | 16 | 76 | 11 | 4 | 1 | 40 | 31 |
| 2017-2018 | 86 | 49 | 20 | 83 | 10 | 4 | 1 | 15 | 56 |
| 2018-2019 | 89 | 46 | 23 | 84 | 12 | 2 | 1 | 25 | 58 |
| 2019-2020 | 99 | 65 | 16 | 88 | 13 | 5 | 1 | 28 | 59 |

**2.4.2.** **Danh hiệu tập thể**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Chi bộ** | **Danh hiệu tập thể** |
| 2015-2016 | Trong sạch vững mạnh | TT lao động tiên tiến, giấy khen của TP |
| 2016-2017 | Trong sạch vững mạnh | TT lao động xuất sắc, TT lao động xuất sắc |
| 2017-2018 | Vững mạnh xuất sắc | TT lao động tiên tiến, TT lao động xuất sắc, Bằng khen của UBND Tỉnh |
| 2018-2019 | Trong sạch vững mạnh | TT lao động tiên tiến, TT lao động xuất sắc |
| 2019-2020 | Trong sạch vững mạnh | TT lao động tiên tiến, Bằng khen của UBND Tỉnh, giấy khen của Sở GD |

**3. Điểm mạnh.**

***3.1. Đội ngũ***.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo theo yêu cầu chuẩn về chất lượng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tính đến tháng 12/2020 gồm 99 người, trình độ Thạc sĩ: 03 đồng chí (đạt tỉ lệ 3%), đại học: 67 đồng chí (đạt tỉ lệ 67,7%), cao đẳng: 29 đồng chí (đạt tỉ lệ 29,3%), trong đó có 20 đồng chí đang theo học đại học. Chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; Chấp hành tốt nội quy, quy định của ngành cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới, sáng tạo.

**3.2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Cơ sở vật chất, thiết bị nhà trường đã được đầu tư khá đầy đủ, khang trang, 100% phòng học được trang bị điều hòa, 62 phòng học thông minh thuận lợi cho công tác dạy và học, công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn 4 sao.

Khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn, có đầy đủ các phòng học đảm bảo cho việc học 2 buổi/ngày, có đủ các phòng học bộ môn, ngoại ngữ, tin học, thư viện, sân tập, các thiết bị dạy học được trang bị, bổ sung hàng năm nên phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

 **3.3. Học sinh**

Số học sinh tăng dần qua các năm. Năm học 2019-2020:Tổng số 65 lớp, 2618 học sinh. Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 99.6%, học sinh khen thưởng xuất sắc đạt 31.4%, khen từng mặt đạt 54.4%.

Đa số các em Học sinh ngoan có ý thức học tập và rèn luyện đạo đức; ham học hỏi, năng động, tích cực, yêu thích thể dục, thể thao và các hoạt động ngoại khóa. Trong nhiều năm qua không có hiện tượng bạo lực học đường, không xảy ra các hiện tượng khác: xâm hại, đuối nước, không có học sinh vi phạm pháp luật và mắc các tệ nạn xã hội. Môi trường học tập thân thiện, an toàn.

 **4. Điểm yếu**

**4.1. Đội ngũ**

Đội ngũ giáo viên trẻ đông chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và chủ nhiệm lớp.

Hiệu quả công việc của một số nhân viên chưa cao do phải kiêm nhiệm nhiều phần việc của những vị trí việc làm còn bị thiếu biên chế.

**4.2. Cơ sở vật chất, thiết bị:**

Việc khai thác, sử dụng phòng học thông minh đạt hiệu quả chưa cao do một số giáo viên còn hạn chế về trình độ công nghệ thông tin. Việc sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đôi khi chưa kịp thời, chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại. Nguyên nhân do nguồn kinh phí còn hạn chế.

 Công tác tham mưu cho thành phố còn hạn chế nên nhà trường chưa có xây nhà đa năng, diện tích mặt bằng và diện tích sân trường còn hẹp, chưa tương xứng với quy mô số lớp và số học sinh hiện có do nhà trường chưa tìm ra các giải pháp phù hợp. Việc tham mưu cho các cấp có thẩm quyền đạt hiệu quả chưa cao nên còn để tình trạng nhiều bàn ghế có kết cấu, kiểu dáng chưa đúng quy định.

**4.3. Học sinh**

 Một số học sinh ý thức học tập chưa cao, chưa thực hiện tốt nội quy trường lớp, ý thức bảo vệ của công, giữ gìn vệ sinh chưa tốt, vẫn còn có học sinh chưa hoàn thành nhiệm vụ. Nguyên nhân do một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ ít có thời gian quan tâm tới con.

 **5. Thời cơ**

- Đảng và Nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Tại Hội nghị lần thứ VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Hơn nữa, chiến lược phát triển giáo dục nước ta giai đoạn từ năm 2011-2020 đã nhấn mạnh vai trò then chốt của Giáo dục và Đào tạo, nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ phát triển nguồn nhân lực, góp phần to lớn đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

- Nhà trường được cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ Giáo dục hàng năm, tính theo số định biên giáo viên. Thành phố thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động dạy và học (bổ sung bàn ghế, lắp điều hòa nhiệt độ cho học sinh, trang bị phòng học thông minh…).

- Nhà trường được tự chủ về Kế hoạch giáo dục; giáo viên được Bồi dưỡng chuyên môn hàng năm về các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học mới.

- Sự thay đổi căn bản, toàn diện GD&ĐT (chương trình, phương thức ,mục tiêu giáo dục). Các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên đa dạng, thuận lợi cho cán bộ.

- Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cấp, các ngành, chính quyền địa phương; sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn, tạo điều kiện và tạo cơ hội cho nhà trường phát triển.

- Công nghệ thông tin và các phầm mềm phục vụ giảng dạy, quản lý giáo dục khác không ngừng phát triển, hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học .

**6. Thách thức**

- Từ năm học 2020-2021: Thực hiện song song 2 chương trình giáo dục gồm: Chương trình giáo dục phổ thông mới triển khai bắt đầu từ lớp 1, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đang thực hiện hiện đối với các khối lớp còn lại. Gắn với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới là việc thay đổi cơ cấu bộ môn học nên trực tiếp thay đổi cơ cấu cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị cả về số lượng và chất lượng; đồng thời các yêu cầu về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng việc triển khai chương trình giáo dục mới; việc bố trí nguồn tài chính, công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới là một thách thức.

- Sự thay đổi chương trình, sách giáo khoa vừa là cơ hội cũng là thách thức đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, đòi hỏi mọi người phải sáng tạo, chủ động trong công việc, nhưng một số giáo viên khả năng tiếp cận và đổi mới trong công tác giáo dục còn chậm.

- Yêu cầu của xã hội và cha mẹ học sinh ngày càng cao đối với chất lượng giáo dục, trong khi đó, năng lực của một số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu đó.

- Có nhiều gia đình học sinh có điều kiện kinh tế khó khăn, không có công việc ổn định, thu nhập thấp. Số gia đình ly hôn ngày càng tăng, một số phụ huynh chưa có nhận thức tầm quan trọng trong công tác giáo dục nên sự quan tâm đầu tư cho con em học tập còn nhiều hạn chế

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh chưa tốt. Phong trào học tập của học sinh chưa cao.

- Kinh phí đầu tư cho giáo dục còn hạn chế.

**7. Xác định các vấn đề ưu tiên**

7.1. Giáo dục học sinh có kiến thức, kĩ năng và thái độ đúng đắn, ứng xử hợp lý, văn minh lịch sự. Sống có quan điểm, lập trường vững vàng, có động cơ học tập rèn luyện bản thân, sống có trách nhiệm, sống có ước mơ và hoài bão, phấn đấu khắc phục khó khăn làm người có ích. Xác định được mục đích: “Học để biết, Học để làm, Học để tự khẳng định mình và Học để cùng chung sống”. Giáo dục và phát triển học sinh 5 phẩm chất và 10 năng lực đó là: “Yêu nước, trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ, nhân ái” và “Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ, tính toán, khoa học, Công nghệ, Tin học, thẩm mỹ, thể chất”.

7.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, tận tình, chu đáo có kĩ năng rèn học sinh về học tập và ý thức đạo đức. Năng động tiếp cận, mở rộng, liên kết tạo môi trường giáo dục phong phú đổi mới trong thời kì hội nhập.

 7.3.Tu bổ, cải tạo cảnh quan trường lớp khang trang, sạch đẹp. Xây dựng văn hóa nhà trường nề nếp, kỉ cương, chuyên nghiệp theo phương châm “Học tập hăng say, lao động nhiệt tình, tư duy tích cực”.

**III. SỨ MỆNH, CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TẦM NHÌN**

**1. Sứ mệnh**

Trường TH Lý Thường Kiệt thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn phường Giếng Đáy; giáo dục và rèn luyện học sinh mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kĩ năng sống tốt; phát huy tính sáng tạo, khả năng tự học, tinh thần trách nhiệm của học sinh; giúp học sinh có khả năng thích ứng mạnh, đáp ứng được sự phát triển của đất nước trong tương lai.

**2. Giá trị cốt lõi**

 - Trung thực

 - Sáng tạo.

 - Hợp tác

 - Trách nhiệm.

 **3. Tầm nhìn**

 Đến năm 2025, Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt là một trường Tiểu học có thương hiệu trong tốp đầu của Giáo dục tiểu học Tỉnh Quảng Ninh; là ngôi trường được cha mẹ học sinh, học sinh tin tưởng lựa chọn để học tập, rèn luyện; nơi thường xuyên tổ chức các hoạt động học tập, hoạt động giáo dục có chất lượng cao để hình thành tốt nhất các phẩm chất, năng lực cho học sinh.

 **IV. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

 **1. Mục tiêu tổng quát.**

 Xây dựng lực lượng sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, thống nhất trong tư tưởng và hành động, tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

 Nâng cao chất lượng học tập và hiệu quả học tập của học sinh trên các mặt “Đức - Trí - Thể - Mỹ ”, giáo dục học sinh hình thành phong cách: tự tin, tự chủ, tự trọng và có trách nhiệm với bản thân.

 Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ CSVC để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh, tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

 Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, thúc đẩy giáo dục địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

 **2. Mục tiêu cụ thể.**

 **2.1. Quy mô học sinh 5 năm từ năm 2020 - 2025**

 *2.1. Quy mô về học sinh*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Tổng số | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
| Số lớp | SốHS | Số lớp | SốHS | Số lớp | SốHS | Số lớp | SốHS | Số lớp | SốHS | Số lớp | SốHS |
| 2020-2021 | 68 | 2615 | 15 | 510 | 15 | 538 | 14 | 615 | 13 | 515 | 11 | 437 |
| 2021-2022 | 69 | 2178 | 12 | 420 | 15 | 510 | 15 | 538 | 14 | 615 | 13 | 515 |
| 2022-2023 | 68 | 2083 | 12 | 420 | 12 | 420 | 15 | 510 | 15 | 538 | 14 | 615 |
| 2023-2024 | 35 | 1225 | 7 | 245 | 7 | 245 | 7 | 245 | 7 | 245 | 7 | 245 |
| 2024-2025 | 35 | 1225 | 7 | 245 | 7 | 245 | 7 | 245 | 7 | 245 | 7 | 245 |

 *2.2. Quy mô đội ngũ Quản lý, giáo viên, nhân viên cần bổ sung theo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT/2018 cấp tiểu học*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học****Môn học** | **Số lượng hiện có** | **Số lượng cần bổ sung theo các năm học** | **Ghi chú** |
| **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **2024-2025** |
| **Cán bộ quản lý** | **3** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | Bổ sung do về hưu |
| Tổ trưởng chuyên môn | 6 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| **Giáo viên** | **95** | **7** | **1** | **1** | **0** | **1** |
| *+GV dạy văn hóa* | 81 | 3 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| *+GV dạy môn chuyên biệt* | 14 | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **Nhân viên** | **1** | **2** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| TPT | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **99** |  |  |  |  |  |

 *2.3. Quy mô về cơ sở vật chất*

 \* Số phòng học và các phòng chức năng khác

| **TT** | **Tên các phòng học và phòng chức năng** | **Năm học 2020-2021****Hiện có** | **Kế hoạch Bổ sung** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 |
| 1 | Phòng học kiên cố | 75 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng học tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | **Các phòng chức năng khác** | **46** | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4.1 | Phòng học bộ môn | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4.2 | Nhà đa năng | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |   |
| 4.3 | Phòng GD nghệ thuật | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.4 | Thư viện | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.5 | Phòng thiết bị giáo dục | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.6 | Phòng truyền thống | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.7 | Phòng hoạt động Đội | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.8 | Phòng hỗ trợ HSKT | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.9 | Phòng Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4.10 | Phòng Phó HT | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4.11 | Phòng Kế toán | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.12 | Phòng Hội đồng GV | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.13 | Phòng nghỉ giáo viên | 7 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.14 | Phòng y tế | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.15 | Kho | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.16 | Phòng bảo vệ | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| 4.17 | Bếp ăn bán trú | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
| **Cộng** | **121** | **0** | **1** | **0** | **0** |  |

 \* Hệ thống nhà vệ sinh, bồn rửa tay

| **TT** | **Hệ thống nhà vệ sinh, bồn rửa tay** | **Năm học 2020-2021****Hiện có** | **Kế hoạch Bổ sung** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 |
| 1 | Nhà vệ sinh | 33 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Bồn rửa tay | 17 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

 Duy trì CSVC theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia, đạt chuẩn chất lượng. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để tìm ra các giải pháp phù hợp nhất để tham mưu các cấp có thẩm quyền phát triển quỹ đất đảm bảo 8m2 cho 1 học sinh theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và xây nhà đa năng cho học sinh luyện tập nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất. Từ năm học 2023-2024 xây thêm một trường Tiểu học mới.

 Xây dựng thư viện đạt thư viện Tiên tiến.

 Các phòng tin học, phòng bộ môn, phòng đa năng, phòng học được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại, trang bị camera tất cả các hành lang, sân trường, cổng trường, các phòng chức năng, phủ sóng wifi toàn trường.

 Tích cực tham mưu cho các cấp có thẩm quyền để thay thế bàn ghế cũ bằng bàn ghế có kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đúng quy định.

Nhà trường tiếp tục đề xuất với các cơ quan chức năng bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học kịp thời, mua sắm thay thế các thiết bị hỏng hóc để có hệ thống cơ sở vật chất thiết bị đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường. Tham mưu cho thành phố bổ sung thêm nguồn kinh phí cho nhà trường.

 **3. Chỉ tiêu cụ thể**

 ***3.1. Về học sinh***

Chất lượng giáo dục về học tập và rèn luyện:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số HS** | **Duy trì sĩ số** | **Xếp loại cuối năm** | **Khen thưởng** | **HTCT lớp học** | **HTCT TH** |
| **HT môn học và các HĐGD** | **Đạt về năng lực** | **Đạt về Phẩm chất** | **Xuất sắc** | **Khen từng mặt** |
| 2020-2021 | 2615 | 2615 | 2600 (99,5%) | 2600 (99,5%) | 2604 (99,5%) | 733 (28%) | 1307 (50%) | 2600 (99,5%) | 537 (100%) |
| 2021-2022 | 2178 | 2178 | 2167(99,5%) | 2167(99,5%) | 2167(99,5%) | 631(29%) | 1089 (50%) | 2167(99,5%) | 515 (100%) |
| 2022-2023 | 2083 | 2083 | 2072(99,5%) | 2072(99,5%) | 2072 (99,5%) | 604(29%) | 1041(50%) | 2072(99,5%) | 615(100%) |
| 2023-2024 | 1225 | 1225 | 1218(99,5%) | 1218(99,5%) | 1218(99,5%) | 335(29%) | 612(50%) | 1218(99,5%) | 245(100%) |
| 2024-2025 | 1225 | 1225 | 1218(99,5%) | 1218(99,5%) | 1218(99,5%) | 335(29%) | 612(50%) | 1218(99,5%) | 245(100%) |

 Kết quả các Hội thi: Tham gia đầy đủ các hội thi, phấn đấu có nhiều giải chất lượng.

          + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

          + Đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của cha mẹ học sinh. Học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động sáng tạo.

 *3.2. Về giáo viên*

- Đảm bảo đủ biên chế được giao về đội ngũ nhà giáo, nhân viên.

         - Cán bộ, giáo viên được đánh giá xếp loại theo chuẩn đạt từ khá trở lên, xếp loại viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng thành thạo CNTT trong quản lý, giảng dạy.

          - Số tiết dạy sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trên 50% .

          - Có 100% cán bộ và giáo viên có trình độ Đại học.

- Hằng năm tham gia đầy đủ, đạt chỉ tiêu các Hội thi giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi do các cấp tổ chức.

- Có 15% cán bộ, giáo viên đạt Chiến sĩ thi đua các cấp, được tặng giấy khen của UBND Tỉnh, UBND thành phố, Sở GD&ĐT.

- Kết nạp từ 05 –> 07 đảng viên mới.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  Năm học | Tổng số CB, GV, NV | **Danh hiệu thi đua** |
| GV dạy giỏi,chủ nhiệm giỏi | LĐ TT | Chiến sĩ thi đua cơ sở | Chiến sĩ thi đua tỉnh | Giấy khen TP, sở GD | Bằng khen của tỉnh | Đánh giá viên chức |
| Cấp trường | CấpTP | Tỉnh | HT XS | HTT |
| 2020-2021 | 99 | 40 | 0 | 6 | 99 | 14 | 1 | 3 | 1 | 30 | 69 |
| 2021-2022 | 110 | 50 | 16 | 0 | 110 | 16 | 1 | 3 | 1 | 30 | 69 |
| 2022-2023 | 110 | 50 | 0 | 6 | 110 | 16 | 1 | 3 | 1 | 30 | 69 |
| 2023-2024 | 62 | 31 | 8 | 0 | 62 | 9 | 1 | 2 | 1 | 20 | 42 |
| 2024-2025 | 62 | 31 | 0 | 3 | 62 | 9 | 1 | 2 | 1 | 20 | 42 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Tổng số CB, GV, NV | Công tác bồi dưỡng | Đánh giá chuẩn NN |
| Thạc sĩ | Đại học | TCChính trị | Tin học | Tiếng Anh | Thăng hạng VC | BDTX | HTXS | HTXS |
| 2020-2021 | 99 | 1 | 14 | 0 | 3 | 3 | 5 | 100% | 30 | 30 |
| 2021-2022 | 110 | 1 | 5 | 1 | 3 | 3 | 5 | 100% | 30 | 30 |
| 2022-2023 | 110 | 1 | 2 | 1 | 3 | 3 | 5 | 100% | 30 | 30 |
| 2023-2024 | 62 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 4 | 100% | 20 | 20 |
| 2024-2025 | 62 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 4 | 100% | 20 | 20 |

 ***3.3. Về các hoạt động khác.***

Thực hiện các hoạt động giáo dục với nội dung và hình thức phong phú: Các giờ chào cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, các câu lạc bộ…tạo sân chơi bổ ích rèn luyện thể chất, năng lực cho học sinh.

 Tham gia đầy đủ các hội thi, phấn đấu có nhiều giải chất lượng (cấp thành phố 3->5 giải/1 năm, cấp Tỉnh 2->3 giải/ 1năm).

 - Tham gia tích cực có hiệu quả mọi phong trào do Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, ban ngành và địa phương tổ chức.

 - Tổ chức Hội khỏe phù đổng 1 lần/năm học.

 - Tổ chức ít nhất 02 hoạt động lớn/năm học.

 - Tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho học sinh: 01 lần/ 01 lớp/năm học.

 ***3.4. Lộ trình thi đua:***

| Năm học | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023 -2024 | 2024-2025 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tập thể | - Chi bộ: Trong sạch vững mạnh-Trường:Tập thể lao động xuất sắc - Công đoàn: Vững mạnh cấp TP- Liên đội: Xuất sắc cấp Tỉnh. Nhận bằng khen của Tỉnh Đoàn. | - Chi bộ: Trong sạch vững mạnh-Trường:Tập thể lao động xuất sắc - Công đoàn: Vững mạnh cấp TP- Liên đội: Xuất sắc cấp Tỉnh. Nhận cờ của Trung ương Đoàn. | - Chi bộ: Trong sạch vững mạnh-Trường:Tập thể lao động xuất sắc - Công đoàn: Vững mạnh cấp Tỉnh- Liên đội: Xuất sắc cấp Tỉnh. Nhận bằng khen của Tỉnh Đoàn. | - Chi bộ: Trong sạch vững mạnh-Trường:Tập thể lao động xuất sắc - Công đoàn: Vững mạnh cấp Tỉnh- Liên đội: Xuất sắc cấp Tỉnh. Nhận bằng khen của Trung ương Đoàn. | - Chi bộ: Trong sạch vững mạnh-Trường:Tập thể lao động xuất sắc - Công đoàn: Vững mạnh cấp Tỉnh- Liên đội: Xuất sắc cấp Tỉnh. Nhận bằng khen của Tỉnh Đoàn. |
| Cá nhân(số liệu) | - Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen: 0- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1- Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 3- CSTĐ cấp tỉnh: 1- CSTĐ cấp TP: 14- Giấy khen UBND TP: 5 - LĐTT: 99 | - Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen: 1- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1- Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 3- CSTĐ cấp tỉnh: 1- CSTĐ cấp TP: 16- Giấy khen UBND TP: 5- LĐTT: 110 | - Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen: 1- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1- Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 3- CSTĐ cấp tỉnh:1- CSTĐ cấp TP: 16- Giấy khen UBND TP: 5- LĐTT: 110 | - Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen: 1- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1- Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 2- CSTĐ cấp tỉnh:1- CSTĐ cấp TP: 9- Giấy khen UBND TP: 3- LĐTT: 62 | - Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen: 1- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 1- Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 2- CSTĐ cấp tỉnh: 1- CSTĐ cấp TP: 9- Giấy khen UBND TP: 3- LĐTT: 62 |

 **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

 **1. Công tác quản lý điều hành**

 - Xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế làm việc cụ thể: quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng và bảo quản tài sản công, quy chế thi đua khen thưởng, quy tắc ứng xử...thúc đẩy sự nỗ lực của giáo viên và học sinh.

 - Phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền chủ động cho các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong trường, phân công nhiệm vụ cụ thể từng bộ phận, từng cá nhân rõ ràng cụ thể nội dung công việc hoàn thiện theo thời gian, yêu cầu kết quả cần đạt và hướng dẫn thống nhất giải pháp thực hiện. Gắn trách nhiệm của cá nhân với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

 - Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với yêu cầu giảng dạy, công tác.

- Quản lý bằng kế hoạch: Các nhiệm vụ và hoạt động nhà trường được xây dựng kế hoạch cụ thể mang tính khả thi phù hợp với tình hình thực tiễn về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, phát huy nội lực của từng thành viên nhà trường. Các kế hoạch triển khai tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh: Kế hoạch năm học, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, kế hoạch kiểm tra đánh giá…

 **2. Công tác bồi dưỡng phát triển đội ngũ.**

 - Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất chính trị, có năng lực chuyên môn khá giỏi, có trình độ Tin học, Ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

 Tham mưu UBND thành phố bổ sung đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo quy mô số lớp, số học sinh.

 - Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giáo viên theo hướng sử dụng tốt đội ngũ hiện có, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

 - Định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động của cán bộ giáo viên thông qua các tiêu chí về hiệu quả, đóng góp cụ thể của cán bộ giáo viên đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó đề bạt, khen thưởng đối với những cán bộ giáo viên, nhân viên có thành tích xuất sắc.

 - Đầu tư có trọng điểm để phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên cốt cán của trường, của thành phố, giáo viên trẻ, có năng lực, bố trí vào các vị trí chủ chốt của nhà trường.

 - Quan tâm việc đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn trên trang “trường học kết nối”, duy trì việc tổ chức các chuyên đề cấp trường, cụm trường, tổ chức thao giảng, hội giảng, thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi…

 - Tạo môi trường làm việc năng động, thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên cống hiến và gắn kết với nhà trường.

 **3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.**

 - Thực hiện có hiệu quả việc tổ chức dạy học phát triển năng lực phẩm chất của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

 - Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh. Đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác, tăng cường dạy học ngoại ngữ, Tin học, tăng thực hành, rèn luyện khả năng tự học cho học sinh, chú trọng dạy học tích hợp, nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM…

 - Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn, giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

 - Định kỳ rà soát, đổi mới, kiểm định chất lượng chương trình giáo dục, nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng linh hoạt, hiện đại phù hợp với đổi mới giáo dục.

 - Xây dựng hệ thống kế hoạch hoạt động trong nhà trường bám sát hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của ngành, triển khai và đôn đốc thực hiện nghiêm túc các loại văn bản theo đúng hướng dẫn chỉ đạo của chuyên môn cấp trên.

 - Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, giờ chào cờ bổ ích, tư vấn giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho học sinh.

 - Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT phát triển thể lực cho học sinh

 - Bồi dưỡng kỹ năng tư duy cho học sinh để mở rộng và nâng cao kiến thức các môn học.

 **4. Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng CSVC**

 Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho các hoạt động giáo dục trong trường. Cụ thể:

 \* Tham mưu phòng Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương đề xuất với ủy ban nhân dân thành phố đầu tư CSVC cho nhà trường đảm bảo đúng tiêu chuẩn cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn quốc gia. Cụ thể:

 +) Đối với trường trung tâm:

 - Trang bị hệ thống rèm cửa cho 75 phòng học và 11 phòng bộ môn.

 - Đề nghị cấp bổ sung 800 bộ bàn ghế rời đảm bảo quy cách, kết cấu, thay thế dần bàn ghế cũ, không đúng quy cách.

 - Giải phóng mặt bằng mở rộng diện tích trường chính thêm diện tích 2.000 m2 (lấy diện tích của phân hiệu trường Mầm non Giếng Đáy và giải phóng mặt bằng các hộ dân liền kề), để đảm bảo 8 m2/1 HS.

 - Năm học 2023-2024: tách trường Tiểu học Lý Thường Kiệt thành hai trường để đảm bảo quy mô, sĩ số đạt chuẩn.

 - Xây nhà đa năng.

 +) Đối với điểm trường:

 Bàn giao toàn bộ cơ sở vật chất trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng cho trường Tiểu học, thành lập một trường Tiểu học mới.

 +) Tiếp tục đầu tư máy tính và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT, xây dựng mạng thông tin quản lý giữa giáo viên, các tổ chuyên với nhà trường liên thông qua hệ thống nối mạng Internet: Đầu tư 30 chiếc máy tính xách tay, lắp đặt toàn bộ hệ thống kết nối Internet trong toàn trường. Cấp bổ sung các trang thiết bị dạy học: 24 phòng học thông minh và các thiết bị đi kèm (máy tính xách tay, loa, màn hình tương tác, camera, micro, hệ thống kết nối Internet,,.); Cấp các thiết bị 3 phòng tin học (63 máy tính, 3 máy chiếu, 60 bộ bàn ghế HS, 3 bộ bàn ghế giáo viên).

 **5. Thường xuyên thực hiện công tác phối kết hợp tốt giữa ba môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội**

 - Thực hiện phối kết hợp thường xuyên giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục, quản lý học sinh, khen thưởng và xử lí kỉ luật kịp thời.

 - Tạo mối quan hệ hài hòa, cộng đồng trách nhiệm, cùng chung tay chăm lo tạo điều kiện thuận lợi, xây dựng môi trường giáo dục tốt cho học sinh.

 - Thực hiện công tác Xã hội hóa giáo dục, tiếp tục xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời tạo phong trào học tập sâu rộng trên địa bàn dân cư.

 **6. Tăng cường công tác truyền thông.**

 - Tăng cường công tác tuyên truyền các hoạt động, các giải pháp và sự phối hợp của các lực lượng xã hội gắn với nhiệm vụ giáo dục toàn diện học sinh. Cụ thể:

 - Hiện đại và khai thác có hiệu quả trang website của trường, phát huy hiệu quả chương trình phát thanh măng non. Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường tới nhân dân, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh…

 - Khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

 - Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Coi chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng học sinh mũi nhọn.

 - Phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

##  7. Thực hiện nhiệm vụ Phổ cập Giáo dục TH và xóa mù chữ trên địa bàn

 Phối hợp với các trường THCS, Mầm non trên địa bàn phường làm tốt công tác điều tra, thống kê, báo cáo và hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục hàng năm đúng thời gian quy định.

 Thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh vào lớp 1 theo đúng Quy chế. Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể tuyên truyền vận động 100% trẻ trong độ tuổi vào học lớp 1.

 Duy trì sĩ số học sinh: Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn thường xuyên quản lý sĩ số học sinh trong lớp, phối hợp tốt với cha mẹ học sinh quản lý học sinh hàng ngày.

 **8. Lộ trình thực hiện kế hoạch**

 - Giai đoạn 1: Từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2022: Hoàn thành kiểm định chất lượng chu kì 2015- 2020 cấp độ 1, củng cố, bổ sung cơ sở vật chất và các điều kiện về trưởng chuẩn quốc gia.

 - Giai đoạn 2: Từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2025: Hoàn thành kiểm định chất lượng chu kì 2015- 2020 cấp độ 3, đề nghị công nhận trưởng chuẩn quốc gia mức độ 2.

 - Trên cơ sở tự đánh giá, Ban chỉ đạo phân công kiểm tra, đối chiếu với hoạt động thực tế để có kết luận và rút kinh nghiệm.

 - Sau từng năm thực hiện: Hội đồng trường giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, nhà trường tiến rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

 **1. Đối với Hội đồng trường và các tổ chức, đoàn thể nhà trường**

 1.1. Đối với Hội đồng trường: Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển của nhà trường; giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Phương hướng Chiến lược phát triển của nhà trường; điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ của ngành, của địa phương tại mỗi thời điểm.

 1.2. Đối với Công đoàn cơ sở:

 - Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của trường, xây dựng chương trình hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công thực hiện phương hướng chiến lược đề ra.

 - Tăng cường công tác truyền thông, vận động công đoàn viên tích cực tham gia, đề xuất giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện phương hướng chiến lược.

 1.3. Đối với Đoàn thanh niên:

 - Xây dựng chương trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công kế hoạch chiến lược đề ra.

 - Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục cho lực lượng đoàn viên làm nòng cốt trong quá trình học tập và rèn luyện để nâng cao chất lượng, cùng xây dựng môi trường học tập văn minh, thân thiện.

 1.4. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

 Phối hợp cùng nhà trường trong công tác truyền thông, tuyên truyền đến cha mẹ học sinh về kế hoạch phát triển nhà trường, tham gia, hỗ trợ nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, xây dựng nhà trường theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

 **2. Đối với Hiệu trưởng**

 - Báo cáo Lãnh đạo địa phương về nội dung Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 đã được phê duyệt.

 **-** Tuyên truyền rộng rãi nội dung Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 trên các phương tiện thông tin, truyền thông của trường.

 - Triển khai Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

 - Căn cứ Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học.

 - Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trong từng năm học, đề xuất những biện pháp để thực hiện hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch.

 - Định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và những thay đổi của cấp trên.

 **3. Đối với Phó Hiệu trưởng**

 Tổ chức triển khai thực hiện từng phần việc cụ thể được giao phụ trách, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất những biện pháp để thực hiện thành công kế hoạch.

 **4. Đối với Tổ trưởng chuyên môn**

 Xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu đối với bộ môn và tổ chức thực hiện kế hoạch, có kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại tổ. Đồng thời  đề xuất các giải pháp để thực hiện phương hướng chiến lược.

 **5. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên.**

 **5.1. Giáo viên chủ nhiệm:** Xây dựng phong trào thi đua tại lớp, phối hợp với CMHS trong công tác giáo dục, tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng cho học sinh, đề xuất nhà trường hỗ trợ cho những học sinh nghèo, vượt khó trong học tập và rèn luyện...Chịu trách nhiệm đánh giá rèn luyện ý thức nề nếp của học sinh lớp chủ nhiệm.

 **5.2. Giáo viên bộ môn:** Tích cực thực hiện giảng dạy theo hướng đổi mới phương pháp giáo dục áp dụng theo bộ môn của mình. Quan tâm rèn kĩ năng bộ môn, chú trọng công tác kiểm tra đánh giá, chịu trách nhiệm trước nhà trường về chất lượng bộ môn của lớp.

 **5.3. Nhân viên:** Thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các bộ phận trong trường để thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý hồ sơ, sổ sách, thư viện, thiết bị, công tác văn thư, hành chính, y tế, kế toán, công tác vệ sinh, an ninh trong nhà trường, kiểm tra đánh giá xếp loại, rút kinh nghiệm từng bộ phận kịp thời, chính xác, kịp tiến độ công việc chung của trường.

 **6. Đối với học sinh**

Biết được sứ mệnh, các giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược phát triển của nhà trường.

 Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện tích cực theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

 Nêu cao vai trò nhận thức trách nhiệm của mình trong việc đóng góp một phần công sức của mình vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

 **VII. KẾT LUẬN:**

 Bản Phương hướng Chiến lược phát triển trường TH Lý Thường Kiệt giai đoạn 2020-2025 là văn bản định hướng sự phát triển nhà trường trong 5 năm; văn bản được điều chỉnh, bổ sung khi có các thay đổi về căn cứ xây dựng kế hoạch hoặc các vấn đề có liên quan.

 ***Nơi nhận****:* **HIỆU TRƯỞNG**

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);

- UBND phường Giếng Đáy (báo cáo);

- Lãnh đạo trường (chỉ đạo);

- BCH Công đoàn (phối hợp);

- Các tổ chuyên môn (thực hiện);

- Ban đại diện CMHS nhà trường (phối hợp); **Mai Thị Mận**

- Lưu VP.